

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

Số: 02/2024TBG-LS

V/v đăng ký cung cấp thông tin
phục vụ công bố giá vật liệu xây
dựng, thiết bị công trình trên địa
bàn tỉnh Hải Dương

Kính gửi:

- Sở Xây dựng tỉnh Hải Dương;
- Sở Tài chính tỉnh Hải Dương.

- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

- Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09-02-2021 của Chính phủ về Quản lý vật liệu xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09-02-2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31-8-2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thực hiện theo Công văn số 193/SXD-QLN ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Sở Xây dựng Hải Dương về việc cung cấp thông tin giá vật liệu xây dựng phục vụ công bố giá trên địa bàn tỉnh Hải Dương,

Công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Thịnh Phú gửi hồ sơ đề nghị xem xét công bố giá sản phẩm hàng hóa chiếu sáng vào Công bố giá vật liệu, thiết bị định kỳ của tỉnh Hải Dương như sau:

I. Thông tin chung về Công ty

1. Tên công ty: Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Đại Thịnh Phú
2. Địa chỉ: Số 20 đường 2.3 KDT Gamuda Gardens, Hoàng Mai, Hà Nội.
3. Điện thoại: 0984 283833
4. Email: daithinhphu.vn@gmail.com

II Thành phần hồ sơ gồm:

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp (phô tô chứng thực);
- 2 Bảng giá sản phẩm, hàng hóa của Công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Thịnh Phú kèm theo áp dụng từ ngày **01/06/2024** đến khi có Bảng niêm yết giá mới.
3. Các Cataloge giới thiệu mẫu mã, quy cách kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, hồ sơ thiết kế mẫu (nếu có) áp dụng để sản xuất.
4. Các hồ sơ khác có liên quan (nếu có).

III. Thời điểm mức giá có hiệu lực

Từ ngày 01 tháng 06 năm 2024 đến khi có Bảng giá sản phẩm, hàng hóa thay thế gửi về Sở Xây dựng, Sở Tài chính.

IV. Cam kết của Công ty



1. Các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng;

2. Đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo các quy định của pháp luật;

3. Các sản phẩm, hàng hóa đăng ký công bố thông tin đảm bảo chất lượng theo các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn hiện hành;

4. Giá đăng ký công bố là giá đảm bảo thực hiện giao dịch của Công ty; không bao gồm thuế VAT, không bao gồm các khuyến mại hoặc chiết khấu.

5. Nếu có sự thay đổi về giá, phương thức bán hàng và các thông tin khác, Công ty sẽ có trách nhiệm thông báo kịp thời tới Sở Xây dựng, Sở Tài chính để cập nhật.

Công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Thịnh Phú xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã cung cấp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Phương



BẢNG GIÁ BÁN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VLXD TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG

(Kèm theo Công văn số 02/2024TBG-LS ngày 28/06/2024 của Công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Thịnh Phú)

1. Bảng giá bán sản phẩm hàng hóa.

Đơn vị: Đồng

STT	Tên loại VLXD, thiết bị công trình	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá TP Hải Dương
Cột thép Bát giác liền cần đơn, bích đế 300x300x10mm. Mạ kẽm nhúng nóng				
1	Cột BG 6m, vưon cần 1.5m, tôn dày 3mm	TCCS/DTP/2020 ISO9001-2015	Cột	3,320,000
2	Cột BG 7m, vưon cần 1.5m, tôn dày 3mm		Cột	3,890,000
3	Cột BG 8m, vưon cần 1.5m, tôn dày 3mm		Cột	4,480,000
4	Cột BG 9m, vưon cần 1.5m, tôn dày 3.5mm		Cột	5,910,000
Cột thép Bát giác liền cần đơn, bích đế 400x400x12mm. Mạ kẽm nhúng nóng				
1	Cột BG 6m, vưon cần 1.5m, tôn dày 3mm	TCCS/DTP/2020 ISO9001-2015	Cột	3,610,000
2	Cột BG 7m, vưon cần 1.5m, tôn dày 3mm		Cột	4,180,000
3	Cột BG 8m, vưon cần 1.5m, tôn dày 3mm		Cột	4,770,000
4	Cột BG 8m, vưon cần 1.5m, tôn dày 3.5mm		Cột	5,170,000
5	Cột BG 9m, vưon cần 1.5m, tôn dày 3.5mm		Cột	6,150,000
6	Cột BG 10m, vưon cần 1.5m, tôn dày 3.5mm		Cột	6,920,000
7	Cột BG 10m, vưon cần 1.5m, tôn dày 4mm		Cột	7,780,000
8	Cột BG 11m, vưon cần 1.5m, tôn dày 3.5mm		Cột	7,810,000
9	Cột BG 11m, vưon cần 1.5m, tôn dày 4mm		Cột	8,790,000
Cột thép Bát giác cần rời ngọn D78, bích đế 400x400x12mm. Mạ kẽm nhúng nóng				
1	Cột BG-78 cao 5m, tôn dày 3mm		Cột	3,230,000
2	Cột BG-78 cao 6m, tôn dày 3mm		Cột	3,810,000
3	Cột BG-78 cao 6m, tôn dày 3.5mm		Cột	4,280,000

4	Cột BG-78 cao 7m, tôn dày 3mm	TCCS/DTP/2020 ISO9001-2015	Cột	4,450,000
5	Cột BG-78 cao 7m, tôn dày 3.5mm		Cột	5,020,000
6	Cột BG-78 cao 8m, tôn dày 3.5mm		Cột	5,810,000
7	Cột BG-78 cao 8m, tôn dày 4mm		Cột	6,490,000
8	Cột BG-78 cao 9m, tôn dày 3.5mm		Cột	6,630,000
9	Cột BG-78 cao 9m, tôn dày 4mm		Cột	7,410,000
10	Cột BG-78 cao 10m, tôn dày 4mm		Cột	8,490,000
11	Cột BG-78 cao 11m, tôn dày 4mm		Cột	9,580,000

Cột thép Tròn côn liền cần đơn, bích đế 300x300x10mm. Mạ kẽm nhúng nóng

1	Cột TC 6m, vươn cần 1.5m, tôn dày 3mm	TCCS/DTP/2020 ISO9001-2015	Cột	3,180,000
2	Cột TC 7m, vươn cần 1.5m, tôn dày 3mm		Cột	3,720,000
3	Cột TC 8m, vươn cần 1.5m, tôn dày 3mm		Cột	4,310,000
4	Cột TC 9m, vươn cần 1.5m, tôn dày 3.5mm		Cột	5,780,000

Cột thép Tròn côn liền cần đơn, bích đế 400x400x12mm. Mạ kẽm nhúng nóng

1	Cột TC 6m, vươn cần 1.5m, tôn dày 3mm	TCCS/DTP/2020 ISO9001-2015	Cột	3,430,000
2	Cột TC 7m, vươn cần 1.5m, tôn dày 3mm		Cột	4,010,000
3	Cột TC 8m, vươn cần 1.5m, tôn dày 3mm		Cột	4,610,000
4	Cột TC 8m, vươn cần 1.5m, tôn dày 3.5mm		Cột	5,230,000
5	Cột TC 9m, vươn cần 1.5m, tôn dày 3.5mm		Cột	6,010,000
6	Cột TC 10m, vươn cần 1.5m, tôn dày 3.5mm		Cột	6,810,000
7	Cột TC 10m, vươn cần 1.5m, tôn dày 4mm		Cột	7,620,000
8	Cột TC 11m, vươn cần 1.5m, tôn dày 3.5mm		Cột	7,700,000
9	Cột TC 11m, vươn cần 1.5m, tôn dày 4mm		Cột	8,630,000

Cột thép Tròn côn rời cần ngọn D78, bích đế 400x400x12mm. Mạ kẽm nhúng nóng

1	Cột TC-78 cao 5m, tôn dày 3mm		Cột	3,190,000
---	-------------------------------	--	-----	-----------

2	Cột TC-78 cao 6m, tôn dày 3mm	TCCS/DTP/2020 ISO9001-2015	Cột	3,750,000
3	Cột TC-78 cao 6m, tôn dày 3.5mm		Cột	4,210,000
4	Cột TC-78 cao 7m, tôn dày 3mm		Cột	4,390,000
5	Cột TC-78 cao 7m, tôn dày 3.5mm		Cột	4,970,000
6	Cột TC-78 cao 8m, tôn dày 3.5mm		Cột	5,760,000
7	Cột TC-78 cao 8m, tôn dày 4mm		Cột	6,400,000
8	Cột TC-78 cao 9m, tôn dày 3.5mm		Cột	6,600,000
9	Cột TC-78 cao 9m, tôn dày 4mm		Cột	7,500,000
10	Cột TC-78 cao 10m, tôn dày 4mm		Cột	8,410,000
11	Cột TC-78 cao 11m, tôn dày 4mm		Cột	9,520,000
Cột thép Đa giác mạ kẽm nhúng nóng				
1	Cột thép ĐG 14m (D=120, D2=276, bích 450x450x20mm, tâm lỗ 400x400mm, tôn dày 4mm)	TCCS/DTP/2020 ISO9001-2015	Cột	23,500,000
2	Cột thép ĐG 14m (D=133, D2=303, bích 450x450x20mm, tâm lỗ 400x400mm, tôn dày 5mm)		Cột	26,750,000
3	Cột thép ĐG 17m (D=150, D2=324, bích 500x500x25mm, tâm lỗ 450x450mm, tôn dày 5mm)		Cột	37,500,000
4	Lọng bán nguyệt lắp trên cột Đa giác 14 và 17m		Cái	4,350,000
5	Lọng tròn lắp trên cột Đa giác 14 và 17m		Cái	6,264,000
Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng lắp trên cột thép (bao gồm bulong)				
1	Cần đèn CD-01 cao 2m, vưon 1,5m	TCCS/DTP/2020 ISO9001-2015	Cái	1.860.000
2	Cần đèn CK-01 cao 2m, vưon 1,5m		Cái	2.679.000
3	Cần đèn CD-02 cao 2m, vưon 1,5m		Cái	1.920.000
4	Cần đèn CK-02 cao 2m, vưon 1,5m		Cái	2.764.800
5	Cần đèn CD-03 cao 2m, vưon 1,5m		Cái	1.789.000
6	Cần đèn CK-03 cao 2m, vưon 1,5m		Cái	2.576.500
7	Cần đèn CD-04 cao 2m, vưon 1,5m		Cái	1.960.000

8	Cần đèn CK-04 cao 2m, vưon 1,5m	Cái	2.822.500
9	Cần đèn CD-05 cao 2m, vưon 1,5m	Cái	1.810.000
10	Cần đèn CK-05 cao 2m, vưon 1,5m	Cái	2.606.000
11	Cần đèn CD-06 cao 2m, vưon 1,5m	Cái	1.530.000
12	Cần đèn CK-06 cao 2m, vưon 1,5m	Cái	2.203.200

Cột thép Bát giác liền cần đơn, bích đế 400x400x12mm. Mạ kẽm và sơn tĩnh điện

1	Cột BG 6m, vưon cần 1.5m, tôn dày 3mm	TCCS/DTP/2020 ISO9001-2015	Cột	6,130,000
2	Cột BG 7m, vưon cần 1.5m, tôn dày 3mm		Cột	7,120,000
3	Cột BG 8m, vưon cần 1.5m, tôn dày 3mm		Cột	8,120,000
4	Cột BG 8m, vưon cần 1.5m, tôn dày 3.5mm		Cột	9,180,000
5	Cột BG 9m, vưon cần 1.5m, tôn dày 3.5mm		Cột	10,450,000
6	Cột BG 10m, vưon cần 1.5m, tôn dày 3.5mm		Cột	11,800,000
7	Cột BG 10m, vưon cần 1.5m, tôn dày 4mm		Cột	12,800,000
8	Cột BG 11m, vưon cần 1.5m, tôn dày 3.5mm		Cột	13,300,000
9	Cột BG 11m, vưon cần 1.5m, tôn dày 4mm		Cột	14,900,000

Cột thép Bát giác cần rời ngọn D78, bích đế 400x400x12mm. Mạ kẽm và sơn tĩnh điện

1	Cột BG-78 cao 5m, tôn dày 3mm	TCCS/DTP/2020 ISO9001-2015	Cột	5,500,000
2	Cột BG-78 cao 6m, tôn dày 3mm		Cột	6,500,000
3	Cột BG-78 cao 6m, tôn dày 3.5mm		Cột	7,300,000
4	Cột BG-78 cao 7m, tôn dày 3mm		Cột	7,600,000
5	Cột BG-78 cao 7m, tôn dày 3.5mm		Cột	8,560,000
6	Cột BG-78 cao 8m, tôn dày 3.5mm		Cột	9,500,000
7	Cột BG-78 cao 8m, tôn dày 4mm		Cột	1,090,000
8	Cột BG-78 cao 9m, tôn dày 3.5mm		Cột	11,300,000
9	Cột BG-78 cao 9m, tôn dày 4mm		Cột	12,570,000

10	Cột BG-78 cao 10m, tôn dày 4mm		Cột	14,400,000
11	Cột BG-78 cao 11m, tôn dày 4mm		Cột	16,346,000
Cần đèn lắp trên cột thép (bao gồm bulong). Mạ kẽm và sơn tĩnh điện				
1	Cần đèn CD-01 cao 2m, vưon 1,5m	TCCS/DTP/2020 ISO9001-2015	Cái	3,130,000
2	Cần đèn CK-01 cao 2m, vưon 1,5m		Cái	4,420,000
3	Cần đèn CD-02 cao 2m, vưon 1,5m		Cái	3,150,000
4	Cần đèn CK-02 cao 2m, vưon 1,5m		Cái	4,530,000
5	Cần đèn CD-03 cao 2m, vưon 1,5m		Cái	3,210,000
6	Cần đèn CK-03 cao 2m, vưon 1,5m		Cái	4,630,000
7	Cần đèn CD-04 cao 2m, vưon 1,5m		Cái	3,130,000
8	Cần đèn CK-04 cao 2m, vưon 1,5m		Cái	4,420,000
9	Cần đèn CD-05 cao 2m, vưon 1,5m		Cái	3,100,000
10	Cần đèn CK-05 cao 2m, vưon 1,5m		Cái	4,390,000
11	Cần đèn CD-06 cao 2m, vưon 1,5m		Cái	1,780,000
12	Cần đèn CK-06 cao 2m, vưon 1,5m		Cái	3,470,000
Cột thép trên đế gang (chưa bao gồm cần đèn).				
1	Đế gang DP01 cao 1.38m, thân thép cao 8m, ngọn Dn78, tôn dày 3.5mm	TCCS/DTP/2020 ISO9001-2015	Cột	9,350,000
2	Đế gang DP01 cao 1.38m, thân thép cao 9m, ngọn Dn78, tôn dày 3.5mm		Cột	10,550,000
3	Đế gang DP01 cao 1.38m, thân thép cao 10m, ngọn Dn78, tôn dày 4mm		Cột	12,000,000
4	Đế gang DP05B cao 1.38m, thân thép cao 8m, ngọn Dn78, tôn dày 3.5mm		Cột	9,850,000
5	Đế gang DP05B cao 1.38m, thân thép cao 9m, ngọn Dn78, tôn dày 3.5mm		Cột	10,850,000
6	Đế gang DP05B cao 1.38m, thân thép cao 8m, ngọn Dn78, tôn dày 3.5mm		Cột	12,680,000
Cột đèn chiếu sáng trang trí sân vườn (cột được sơn PU 2 thành phần)				
1	Đế gang DC05B cao 1.55m (tâm lỗ móng 340x340mm)		Cái	7,500,000
2	Đế gang DC06 cao 1.10m (tâm lỗ móng 260x260mm)		Cái	4,100,000

3	Đế gang D07 (Cột Banian) cao 1.05m (tâm lỗ móng 260x260mm).	TCCS/DTP/2020 ISO9001-2015	Cái	4,200,000	
4	Đế gang DC08 (Cột Pine) cao 0.85m (tâm lỗ móng 240x240mm).		Cái	8,410,000	
5	Đế gang DC09 (cột Nouvo) cao 0.91m (tâm lỗ móng 240x240mm).		Cái	9,520,000	
6	Chùm trang trí CH02-4		Chùm	2,630,000	
7	Chùm trang trí CH02-5		Chùm	3,050,000	
8	Chùm trang trí CH06-4		Chùm	1,890,000	
9	Chùm trang trí CH06-5		Chùm	2,280,000	
10	Chùm trang trí CH07-4		Chùm	2,970,000	
11	Chùm trang trí CH07-5		Chùm	3,360,000	
12	Chùm trang trí CH08-4		Chùm	2,170,000	
13	Chùm trang trí CH11-4		Chùm	4,170,000	
14	Chùm trang trí CH11-5		Chùm	4,580,000	
15	Chùm trang trí Mai Hoa Chiếu Thủy-1		Chùm	3,890,000	
16	Chùm trang trí Mai Hoa Chiếu Thủy-2		Chùm	4,620,000	
17	Chùm trang trí Ruby -2		Chùm	4,120,000	
18	Chùm trang trí Tam Bạc		Chùm	4,890,000	
Đèn trang trí sân vườn. Sơn tĩnh điện					
1	Cột đèn trang trí sân vườn GLSV01-10w (H=60mm, hộp 150x150mm)		TCCS/DTP/2020	Cái	3,577,000
2	Cột đèn trang trí sân vườn GLSV01-20w (H=2.5m, hộp 150x150mm)	Cái		6,130,000	
3	Cột đèn trang trí sân vườn GLSV01-30w (H=3.5m, hộp 150x150mm)	Cái		7,750,000	
4	Cột đèn trang trí sân vườn kiểu cây thông GLSV02-100w (H=2.5m, thép tròn D=76mm, 16 tay đèn)	Cái		8,520,000	
5	Cột đèn trang trí sân vườn kiểu cây thông GLSV02-200w (H=3.5m, thép tròn D=76mm, 21 tay đèn)	Cái		12,600,000	
6	Cột đèn trang trí sân vườn kiểu cây thông GLSV02-400w (H=6m, thép tròn D=114mm, 21 tay đèn)	Cái		18,900,000	

7	Bộ đèn cầu D300 nhựa PMMA trắng trong (tháp tán quang)	TCCS/DTP/2020 ISO9001-2015	Cái	585,000
8	Bộ đèn cầu D400 nhựa PMMA trắng trong (tháp tán quang)		Cái	830,000
9	Bộ đèn cầu D300 nhựa PMMA kẻ sọc		Cái	62,500
10	Bộ đèn cầu D400 nhựa PMMA kẻ sọc		Cái	910,000
11	Bộ đèn cầu D300 nhựa PE trắng đục		Cái	523,000
12	Bộ đèn cầu D400 nhựa PE trắng đục		Cái	785,000
13	Đèn Jupiter (không bóng)		Cái	1,980,000
14	Đèn Mai Hoa Chiếu Thủy cầu D300 trắng đục		Cái	2,350,000

Đèn đường led năng lượng mặt trời (NLMT). Bảo hành 05 năm

1	Đèn led NLMT loại 30w - 30Ah	TCCS/DTP/2020 ISO9001-2015	Bộ	13,200,000
2	Đèn led NLMT loại 50w - 60Ah		Bộ	13,940,000
3	Đèn led NLMT loại 60w - 60Ah		Bộ	15,700,000
4	Đèn led NLMT loại 80w - 90Ah		Bộ	19,500,000
5	Đèn led NLMT loại 100w - 90Ah		Bộ	22,640,000
6	Đèn led NLMT loại 120w - 120Ah		Bộ	25,840,000

Đèn đường led (Chíp philips, Nichia, nguồn Inventronic, Philips, quang hiệu >140lm/w)

Sử dụng DIM tiết giảm công suất. Bảo hành 05 năm

1	Đèn Led GLS 803, công suất 40W (kích thước: 422x318x132)		Cái	4,670,000
2	Đèn Led GLS 803, công suất 60W (kích thước: 422x318x132)		Cái	5,230,000
3	Đèn Led GLS 803, công suất 80W (kích thước: 422x318x132)		Cái	6,350,000
4	Đèn Led GLS 803, công suất 100W (kích thước: 422x318x132)		Cái	7,200,000
5	Đèn Led GLS 803, công suất 120W (kích thước: 522x318x132)		Cái	7,580,000
6	Đèn Led GLS 803, công suất 150W (kích thước: 522x318x132)		Cái	7,630,000
7	Đèn Led GLS 640, công suất 40W (kích thước 660x272x108mm)		Cái	4,890,000
8	Đèn Led GLS 640, công suất 60W (kích thước 660x272x108mm)		Cái	5,840,000

9	Đèn Led GLS 640, công suất 100W (kích thước: 720*271*108mm)
10	Đèn Led GLS 640, công suất 150W (kích thước: 745*333*115mm)
11	Đèn Led GLS 640, công suất 200W (kích thước: 851x330x109mm)
12	Đèn Led GLS 640, công suất 250W (kích thước: 851x330x109mm)
13	Đèn Led GLS 613, công suất 30W (kích thước: 613*240*108mm)
14	Đèn Led GLS 613, công suất 40W (kích thước: 613*240*108mm)
15	Đèn Led GLS 613, công suất 50W (kích thước: 613*240*108mm)
16	Đèn Led GLS 613, công suất 60W (kích thước: 613*240*108mm)
17	Đèn Led GLS 613, công suất 100W (kích thước: 613*240*108mm)
18	Đèn Led GLS 613, công suất 150W (kích thước: 613*240*108mm)
19	Đèn pha Led công suất 200W (kích thước: 391x370x100mm)
20	Đèn pha Led công suất 300W (Kích thước: 553x370x100mm)
21	Đèn pha Led công suất 400W (kích thước: 391x626x100mm)
22	Đèn pha Led công suất 500W (kích thước: 472x626x100mm)
23	Đèn pha Led công suất 400W (kích thước: 391x626x100mm)
24	Đèn pha Led công suất 600W (kích thước: 553x626x100mm)
25	Đèn pha Led công suất 800W(kích thước: 786x626x100mm)
26	Đèn pha Led công suất 1000W(kích thước: 704x700x100mm)

TCVN
7722-1
1722-2-3
ISO9001-2015

Cái	7,100,000
Cái	8,630,000
Cái	10,320,000
Cái	12,630,000
Cái	4,100,000
Cái	4,420,000
Cái	4,630,000
Cái	5,230,000
Cái	6,210,000
Cái	7,100,000
Cái	6,230,000
Cái	8,825,000
Cái	9,735,000
Cái	11,320,000
Cái	10,450,000
Cái	12,550,000
Cái	18,550,000
Cái	25,550,000

Bộ đèn có lắp điều khiển thông minh

1	Đèn Led GLS 640, công suất 60W (kích thước 660x272x108mm), cổng chờ kết nối thông minh chuẩn Nema7.	Cái	7,428,000
---	---	-----	-----------

2	Đèn Led GLS 640, công suất 100W (kích thước: 720*271*108mm) cổng chờ kết nối thông minh chuẩn Nema7.	TCVN 7722-1 1722-2-3 ISO9001-2015	Cái	8,210,000
3	Đèn Led GLS 640, công suất 150W (kích thước: 745*333*115mm) cổng chờ kết nối thông minh chuẩn Nema7.		Cái	10,355,000
4	Đèn Led GLS 640, công suất 200W (kích thước: 851x330x109mm) cổng chờ kết nối thông minh chuẩn Nema7.		Cái	15,235,000
5	Đèn Led GLS 640, công suất 250W (kích thước: 851x330x109mm) cổng chờ kết nối thông minh chuẩn Nema7.		Cái	17,320,000

Thiết bị điều khiển thông minh

1	Thiết bị điều khiển và giám sát trung tâm GSM/4G (Model: KIC GWL)	TCVN 7722-1 1722-2-3 ISO9001-2015	Cái	55,450,000
2	Bộ điều khiển tiết giảm công suất Nema7 (Model: NOL-P-WM)		Cái	4,210,000
3	Bộ điều khiển tiết giảm công suất Nema7 (Model: NIL-P-WM)		Cái	4,960,000

Cột đèn tín hiệu giao thông và đèn giao thông

1	Đèn tín hiệu ĐVX 3xD300: Xuất xứ linh kiện bán dẫn và IC: Hãng Atmel, Digi-key, Mousser của Mỹ; Xuất xứ Led: Nichia - Nhật Bản;	TCVN 7722-1 1722-2-3 ISO9001-2015	Cái	17,400,000
2	Đèn đếm lùi kích thước 440x440mm hai màu xanh đỏ: Xuất xứ linh kiện bán dẫn và IC: Hãng Atmel, Digi-key, Mousser của Mỹ; Xuất xứ Led: Nichia - Nhật Bản		Cái	15,900,000
3	Đèn đếm lùi 1xD300 hai màu xanh đỏ: Xuất xứ linh kiện bán dẫn và IC: Hãng Atmel, Digi-key, Mousser của Mỹ; Xuất xứ Led: Nichia - Nhật Bản		Cái	13,200,000
4	Đèn tín hiệu đi bộ 1xD300 hai màu xanh đỏ: Xuất xứ linh kiện bán dẫn và IC: Hãng Atmel, Digi-key, Mousser của Mỹ; Xuất xứ Led: Nichia - Nhật Bản		Cái	9,400,000

5	Cột THGT 6,2MT D=130/204 dày 4.0mm đế 400x20 tâm lỗ 300x300 + tay vịn 5M D=80/130 dày 4.0mm bích 180x180x16 tâm lỗ 140x140, mạ nhúng kẽm nóng	Cái	19,700,000
6	Cột THGT 6,2MT D=173/250 dày 6.0mm đế 500x20 + tay vịn 7M D=80/178 dày 5.0mm bích 278x20, mạ nhúng nóng.	Cái	24,300,000
7	Cột THGT 2,9MT D=78/113 dày 3.0mm đế 300x10 tâm lỗ 240x240, mạ nhúng kẽm nóng.	Cái	3,850,000

Bulong móng và cọc tiếp địa mạ kẽm nhúng nóng.

1	Khung móng Bulong M16 240x240x500 (Ecu+long đen+ốc mũ). Mạ kẽm đầu ren.	Bộ	550,000
2	Khung móng Bulong M16 260x260x500 (Ecu+long đen+ốc mũ). Mạ kẽm đầu ren.	Bộ	570,000
11	Khung móng Bulong M16 340x340x500 (Ecu+long đen+ốc mũ). Mạ kẽm đầu ren.	Bộ	610,000
12	Khung móng Bulong M24 300x300x675 (Ecu+long đen+ốc mũ). Mạ kẽm đầu ren.	Bộ	660,000
13	Khung móng Bulong M24 300x300x750 (Ecu+long đen+ốc mũ). Mạ kẽm đầu ren.	Bộ	750,000
14	Khung móng Bulong 8M24 400x400x1200 (Ecu+long đen+ốc mũ). Mạ kẽm đầu ren.	Bộ	2,850,000
15	Khung móng Bulong 8M24 450x450x1350 (Ecu+long đen+ốc mũ). Mạ kẽm đầu ren.	Bộ	3,250,000
16	Khung móng Bulong 8M30 400x400x1350 (Ecu+long đen). Mạ kẽm đầu ren.	Bộ	7,680,000

TCCS01/DTP/2020
ISO9001-2015

17	Khung móng Bulong 8M30 450x450x1350 (Ecu+long đen). Mạ kẽm đầu ren.		Bộ	10,950,000
18	Khung móng Bulong 8M30 500x500x1750 (Ecu+long đen). Mạ kẽm đầu ren.		Bộ	12,860,000
19	Cọc tiếp địa L63x63x6x1500. Mạ kẽm nhúng nóng		Bộ	520,000
20	Cọc tiếp địa L63x63x6x2000. Mạ kẽm nhúng nóng		Bộ	670,000
21	Cọc tiếp địa L63x63x6x2500. Mạ kẽm nhúng nóng		Bộ	890,000
Tủ điện điều khiển chiếu sáng				
1	Tủ điện điều khiển chiếu sáu 20A (kích thước: 1000x600x350x1mm)	TCVN 7722-1 1722-2-3 ISO9001-2015	Cái	9,680,000
2	Tủ điện điều khiển chiếu sáu 30A (kích thước: 1000x600x350x1mm)		Cái	10,570,000
3	Tủ điện điều khiển chiếu sáu 40A (Kích thước: 1000x600x350x1mm)		Cái	11,370,000
4	Tủ điện điều khiển chiếu sáu 50A (kích thước: 1000x600x350x1mm)		Cái	12,500,000
5	Tủ điện điều khiển chiếu sáu 60A (kích thước: 1200x600x350x1.2mm)		Cái	14,300,000
6	Tủ điện điều khiển chiếu sáu 100A (kích thước: 1000x600x350x1mm)		Cái	15,500,000
7	Tủ điện điều khiển chiếu sáu 100A (kích thước: 1200x600x350x1.2mm)		Cái	17,800,000

- Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2024 cho đến khi có thông báo giá mới.
- Phương thức giao nhận: Giao hàng trên xe bên bán tại trần công trình bên mua trên địa bàn tỉnh Hải Dương.
- Giá bán sản phẩm không bao gồm thuế VAT và các sản phẩm khuyến mại, chiết khấu.
- Công ty TNHH TM&XD Đại Thịnh Phú xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, các tài liệu, mức giá mà đơn vị đăng ký, kê khai và niêm yết./.

LÃNH ĐẠO CÔNG TY

(ký và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Phương